**TÊN BÀI DẠY:**

**BÀI 2 – VẺ ĐẸP CỦA THƠ CA**

**Môn học**: Ngữ Văn/Lớp: 10

**Thời gian thực hiện**: ….. tiết

1. **MỤC TIÊU CHUNG**
2. **Về kiến thức**

- Phân tích và đánh giá được giá trị thẩm mĩ của một số yếu tố trong thơ như từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, đối, nhân vật trữ tình (chù thể trữ tình).

- Liên hệ để thấy được một số điểm gần gũi về nội dung giữa các tác phẩm thơ thuộc hai nền văn hoá khác nhau.

2. **Về năng lực**

- Nhận biết được lỗi dùng từ và lỗi về trật tự từ, biết cách sửa những lỗi đó.

- Viết được một văn bản nghị luận phân tích, đánh giá chủ đề và những nét đặc sắc về nghệ thuật cùa một tác phẩm thơ.

- Biết thuyết trình (giới thiệu, đánh giá) về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm thơ.

- HS có Tư duy phản biện, năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề,….

**3. Về phẩm chất**

- Biết nuôi dưỡng đời sống tâm hồn phong phú, có khả năng rung động trước những vẻ đẹp đa dạng cùa cuộc sống.

**B. NỘI DUNG BÀI HỌC**

**1. Đọc**

* Tri thức ngữ văn
* Chùm thơ Hai – cư Nhật Bản
* Thu hứng (Cảm xúc mùa thu – Đỗ Phủ)
* Mùa xuân chín (Hàn Mặc Tử)

Bản hòa âm ngôn từ trong Tiếng thu của Lưu Trọng Lư (Chu Văn Sơn)

1. **Thực hành Tiếng Việt:** Lỗi dùng từ, lỗi về trật tự từ và cách sửa
2. **Viết**: Viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ
3. **Nói và nghe:** Giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm thơ
4. **Củng cố mở rộng:** Văn bản Cánh đồng (Ngân hoa)

**TIẾT 1. TRI THỨC NGỮ VĂN**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

- Học sinh nhận biết được một số yếu tố: Thơ trữ tình, nhân vật trữ tình, hình ảnh thơ, vần thơ, nhịp điệu, đối, thi luật, thể thơ.

- Học sinh phân tích được các yếu tố Thơ trữ tình, nhân vật trữ tình, hình ảnh thơ, vần thơ, nhịp điệu, đối, thi luật, thể thơ.

- Học sinh đánh giá được chủ đề, nội dung và nghệ thuật trong tác phẩm thơ.

**2. Về năng lực**

**-** Học sinh thuyết trình (giới thiệu, đánh giá) về nội dung và nghệ thuật cơ bản của tác phẩm thơ.

**-** Học sinh phát triển: Tư duy phản biện, năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề,….

**3. Về phẩm chất**: Học sinh xác địnhvẻ đẹp của cuộc sống thông qua tác phẩm thơ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU**

**1. Học liệu**: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

**2. Thiết bị**: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Dẫn dắt vào bài mới

**b) Nội dung:** Giáo viên cho học sinh tham gia trò chơi

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời và thái độ khi tham gia trò chơi

**d) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ:  *Đọc một đoạn/ bài thơ mà em yêu thích. Đoạn/ bài thơ đó gợi ra cảm xúc gì?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, lắng nghe  - GV quan sát  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động  - Hs trả tham gia trò chơi  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, dẫn dắt vào bài  *Mỗi bài thơ gợi ra cảm xúc khác nhau. Có bạn cảm nhận được lòng yêu nước, có bạn lại thấy được tình yêu thiên nhiên trong đó. Đó chính là vẻ đẹp của thơ ca. Chủ điểm 2 chúng ta sẽ tìm hiểu về* | - Hs đọc và chia sẻ |

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu giới thiệu bài học**

**a. Mục tiêu:-**  Học sinh nhận biết được một số yếu tố: Thơ trữ tình, nhân vật trữ tình, hình ảnh thơ, vần thơ, nhịp điệu, đối, thi luật, thể thơ.

- Học sinh phân tích được các yếu tố Thơ trữ tình, nhân vật trữ tình, hình ảnh thơ, vần thơ, nhịp điệu, đối, thi luật, thể thơ.

- Học sinh đánh giá được chủ đề, nội dung và nghệ thuật trong tác phẩm thơ

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1: Hướng dẫn Hs tìm hiểu**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *GV yêu cầu HS đọc phần Tri thức ngữ văn trong SGK và trả lời câu hỏi:*  *+ Thơ, thơ trữ tình là gì? (Phát vấn)*  *+ Hoàn thành PHT số 1 để tìm hiểu về đặc điểm của thơ? (Thảo luận nhóm 4-6 em)*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Hs làm việc cá nhân, tham gia trò chơi  - GV quan sát  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức | **II. Khám phá Tri thức ngữ văn**  **1.Thơ và thơ trữ tình**  - Thơ là hình thức tổ chức ngôn từ đặc biệt, tuân theo một mô hình thi luật hoặc nhịp điệu nhất định. Mô hình này làm nổi bật mối quan hệ giữa âm điệu và ý nghĩa của ngôn từ thơ ca. Với hình thức ngôn từ như thế, thơ có khả năng diễn tả được những tình cảm mãnh liệt hoặc những ấn tượng, xúc động tinh tế của con người trước thế giới.  - Thơ trữ tình là loại tác phẩm thơ thường có dung lượng nhỏ, thể hiện trực tiếp cảm xúc, tâm trạng của nhân vật trữ tình.  **2. Nhân vật trữ tình**  - Nhân vật trữ tình (còn gọi là chủ thể trữ tình) là người trực tiếp bộc lộ rung động và tình cảm trong bài thơ trước một khung cảnh hoặc sự tình nào đó. Nhân vật trữ tình Có mối liên hệ mật thiết với tác giả song không hoàn toàn đồng nhất với các giả .  - Hình ảnh thơ: Hình ảnh thơ là các sự vật, hiện tượng, trang thái đời sống được tái tạo một cách cụ thể, sống động bằng ngôn từ, khơi dậy cảm giác (đặc biệt là những ấn tượng thị giác) cũng như gợi ra những ý nghĩa tinh thần nhất định đối với người đọc .  - Vần thơ, nhịp điệu, nhạc điệu, đối, thi luật, thể thơ  Vần thơ: sự cộng hưởng, hoà âm theo quy luật giữa một số âm tiết trong hay cuối dòng thơ. Vần có chức năng liên kết các dòng thơ và góp phần tạo nên nhịp điệu, nhạc điệu cũng như giọng điệu của bài thơ.  - Nhịp điệu: những điểm ngắt hay ngừng theo chu kì nhất định trên văn bản do tác giả chủ động bố trí. Nhịp điệu chứa đựng sự lặp lại có biến đổi của các yếu tố ngôn ngữ và hình ảnh nhằm gợi ra cảm giác về sự vận động của sự sống và thể hiện cảm nhận thẩm mĩ về thế giới .  - Nhạc điệu: cách tổ chức các yếu tố âm thanh của ngôn từ để lời văn gợi ra cảm giác về âm nhạc (âm hưởng, nhịp điệu). Trong thơ, những phương thức cơ bản để tạo nhạc điệu là gieo vần, ngắt nhịp, điệp, phối hợp thanh điệu bằng – trắc,...  - Đối: cách tổ chức lời văn thành hai vế cân xứng và sóng đôi với nhau cả về ý và lời. Căn cứ vào sự thuận chiều hay tương phản về ý và lời, có thể chia đối thành hai loại: đối cân (thuận chiều), đối chọi (tương phản).  - Thi luật: toàn bộ những quy tắc tổ chức ngôn từ trong thơ như gieo vần, ngắt nhịp, hoà thanh, đối, phân bố số tiếng trong một dòng thơ, số dòng trong cả bài thơ,...  - Thể thơ: sự thống nhất giữa mô hình thi luật và loại hình nội dung của tác phẩm thơ. Các thể thơ được hình thành và duy trì sự ổn định của chúng trong quá trình phát triển của lịch sử văn học. |

**3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu hoạt động:** Dựa vào các bài thơ đã học hãy đọc một bài thơ và nêu được các yếu tố: thể thơ, nhân vật trữ tình, hình ảnh thơ, cách tổ chức nhịp điệu, gieo vần trong bài thơ đó

**b. Nội dung thực hiện**

HS đọc tác phẩm thơ và liệt kê được các yếu tố đã được học.

|  |  |
| --- | --- |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên giao nhiệm vụ  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thực hiện đọc và ghi lại các yếu tố của tác phẩm thơ như: thể thơ, nhân vật trữ tình, hình ảnh thơ, cách tổ chức nhịp điệu, gieo vần  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh trình bày phần bài làm của mình  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo | **GV và HS có thể tham khảo ví dụ sau**  “***Sống vững chãi bốn ngàn năm sừng sững***  ***Lưng đeo gươm tay mềm mại bút hoa***  ***Trong và sáng đôi bờ suy tưởng***  ***Sống hiên ngang mà nhân ái, chan hòa***.”  (Huy Cận)  - Nhân vật trữ tình: Nhân dân Việt Nam với niềm tự hòa về truyền thống yêu nước, đấu tranh của dân tộc  - Vần thơ: Hiệp vần chân “hoa” câu 2 và “hòa” câu 4  - Nhịp điệu: Cách ngắt nhịp uyển chuyển  “***Sống vững chãi/ bốn ngàn năm/ sừng sững***  ***Lưng đeo gươm/ tay mềm mại bút hoa***  ***Trong và thật sáng/ đôi bờ suy tưởng***  ***Sống hiên ngang/ mà nhân ái, chan hòa***.”  - Đối: Lưng đeo gươm – chiến đấu; tay mềm mại bút hoa – văn hóa; Sống hiên ngang – mạnh mẽ cứng rắn; nhân ái, chan hòa – tinh tế, dịu dàng, trọng tình nghĩa  - Thi luật: Mỗi câu có 8 chữ bắt vần chân ở câu 2 và 4  - Thể thơ: Thơ tự do 8 chữ |

**4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ**

**a. Mục tiêu hoạt động:** Dựa vào kiến thức đã học HS tự sáng tác một bài thơ theo thể thơ tự do.

**b. Nội dung thực hiện:** HS sáng tác một bài thơ chủ đề tự chọn theo thể thơ tự do.

|  |  |
| --- | --- |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên giao nhiệm vụ  Học sinh thảo luận và thực hiện  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thực hiện sáng tác và đọc trước lớp  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh trình bày phần bài làm của mình  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo | HS sáng tạo theo nội dung tự chọn |

**TIẾT .............**

**VĂN BẢN**

**CHÙM THƠ HAI – CƯ NHẬT BẢN**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

**- Học sinh nhận diện** được hình thức thể thơ Hai – cư

- HS nhận diện và đánh giá được sức hấp dẫn của thơ hai-cư nói riêng, của thơ ca nói chung trên hai phương diện: sức gợi của hình ảnh và của hình thức ngôn từ cô đọng, hàm súc.

**- Học sinh vận dụng** tri thức về thơ, học sinh xác định được thể thơ, nhân vật trữ tình, nội dung và nghệ thuật của tác phẩm thơ

**2. Về năng lực:**

* **Học sinh vận dụng năng lực** viết để thực hành viết kết nối đọc sau bài học

**3. Về phẩm chất**: **Học sinh trân trọng** những điều nhỏ bé, giản dị trong đời sống xung quanh. Nỗ lực, phấn đấu hết mình vì ước mơ của mình.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU**

**1. Học liệu**: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

**2. Thiết bị**: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ CHỨC THỰC HIỆN** | **SẢN PHẨM** |
| **1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THẾ**  **a. Mục tiêu hoạt động**: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học  **b. Nội dung thực hiện**:   * GV cho HS xem một đoạn video về đất nước, con người Nhật Bản có lời bình * HS theo dõi trả lời câu hỏi và nêu cảm nhận | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên thực hiện trình chiếu câu hỏi.  Học sinh suy nghĩ và trả lời nhanh câu hỏi  GV đặt câu hỏi:  Con có cảm nhận như thế nào về nền văn hóa của đất nước Nhật Bản?  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh theo dõi và trả lời câu hỏi  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh chia sẻ  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  Giáo viên chốt ý và dẫn dắt vào bài học. | **Học sinh nêu cảm nhận của mình** |
| **2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**  **a. Mục tiêu hoạt động**:   * **Học sinh trình bày** được những nét chính về tác giả và thể thơ Hai - cư * **Học sinh vận dụng** tri thức về thơ, học sinh xác định được thể thơ, nhân vật trữ tình, nội dung và nghệ thuật của tác phẩm thơ * **Học sinh vận dụng** tri thức về thơ, học sinh sẽ:   + **Nhận diện** hình ảnh trung tâm ở từng bài thơ hai – cư và chỉ ra đặc điểm chung của các hình ảnh đấy  + **Xác định** mối quan hệ giữa hình ảnh trung tâm trong bài thơ của Ba – sô với các yếu tố thời gian và không gian  + **Phân tích** được nội dung và nghệ thuật đặc sắc bài thơ của Chi – ô  + **Nhận xét** tương quan giữa hai hình ảnh “con ốc” và “núi Fu – ji”  + **Đánh giá** được nội dung ý nghĩa và tính triết lí trong bài thơ của Ba – sô, Chi - ô và Ít – sa  **b. Nội dung thực hiện:**   * Chia nhóm học sinh tìm hiểu về thơ Hai – cư và nội dung đặc sắc trong chùm thơ Hai – cư Nhật Bản. * Học sinh thuyết trình – GV chốt ý và đánh giá sản phẩm | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên chia lớp thành 4 nhóm  **Mỗi nhóm lựa chọn hình thức trình bày sản phẩm**  **Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu về khái niệm và đặc điểm thơ Hai-cư**  (Giáo viên chia học sinh thành 3 hoặc 4 nhóm học tập, giao nhiệm vụ chuẩn bị những nội dung tìm thiểu về thơ Hai- cư của Nhật Bản và các nhà thơ tiêu biểu)  **- GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV mời đại diện các nhóm dựa vào nội dung đã đọc ở nhà: (Khuyến khích học sinh trình bày bằng các hình thức khác nhau: Sơ đồ; PP trình chiếu; video kèm lời bình... )  Dự kiến các nội dung chuẩn bị ở nhà của học sinh: Thơ Hai-cư có đặc điểm gì về thể thơ, hình thức, nghệ thuật và nội dung thể hiện; Kể tên một số tác giả tiêu biểu và một số bài thơ.  - Các nhóm tiếp nhận nhiệm vụ và thực hiện nhiệm vụ học tập:  + Các nhóm chuẩn bị và cử đại diện trình bày, nhận xét nội dung trình bày của các nhóm còn lại.  + Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận. GV mời đại diện các nhóm lên bảng, yêu cầu các nhóm khác nhận xét, góp ý, bổ sung.  + Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập  - GV nhận xét, chốt kiến thức.  Tìm hiểu thông tin về thể thơ Hai – cư và các tác giả: Mát – chư – ô Ba sô, Chi – ô, Cô – ba – y – a – si Ít – sa.  **Nhiệm vụ 2: Đọc văn bản**  Bước 1: **GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc 3 bài thơ trong văn bản 1, 2, 3.  - GV lưu ý học sinh các câu hỏi trong khi đọc.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập  - HS đọc thông tin trong SGK, chuẩn bị trình bày trước lớp.  Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận  - GV mời 2 – 3 HS phát biểu, yêu cầu cả lớp nhận xét, bổ sung.  Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  **Nhiệm vụ 3: Khám phá văn bản**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **(Sử dụng kĩ thuật mảnh ghép, chia lớp thành 3 nhóm cùng lần lượt trả lờ các câu hỏi)**  + **Câu 1:** Chỉ ra hình ảnh trung tâm ở từng bài thơ Hai – cư và cho biết đặc điểm chung của các hình ảnh ấy.  + **Câu 2:** Chỉ ra ý nghĩa của những hình ảnh trung tâm trong các bài thơ  + **Câu 3**: Rút ra ý nghĩa trong mỗi bài thơ Hai cư vừa tìm hiểu  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thảo luận và hoàn thành phiếu  **Thời gian**: 10 phút – Hoặc các nhóm đã chuẩn bị trước bài qua phần tự học.  **Chia sẻ**: 3 phút  **Phản biện và trao đổi**: 2 phút  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần tìm hiểu  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản về nội dung – nghệ thuật các truyện thần thoại. | **I. TÌM HIỂU CHUNG**  **1. Thơ Hai – cư Nhật Bản**  \* Thể thơ:  - Hai cư là một thể thơ truyền thống độc đáo của Nhật Bản (thi quốc), được hình thành từ thế kỷ thứ XVI đến thế kỷ XVII có những thành tựu nổi bật.  - Hình thức: thơ Hai cư thuộc loại ngắn nhất thế giới (cả bài chỉ 17 âm tiết, ngắt thành 3 đoạn 5-7-5). Nguyên bản tiếng Nhật chỉ có một câu thơ.  + Dòng 1: Giới thiệu.  + Dòng 2: Tiếp tục ý trên và chuẩn bị cho dòng  + Dòng 3: Ý thơ kết lại nhưng không rõ ràng, mở ra những suy ngẫm, cảm xúc cho người đọc ngân nga, lan tỏa.  \* Nội dung:  - Phản ánh tâm hồn người Nhật - tâm hồn ưa thích hòa nhập với thiên nhiên, vì vậy nội dung thường hướng đên một phong cảnh, một vài sự vật cụ thể, một tứ thơ, một cảm xúc, một suy tư… của người viết.  \* Nghệ thuật:  - Thủ pháp tượng trưng:  + Thể hiện một khoảnh khắc của cảnh vật và đỉnh điểm của cảm xúc, hàm súc nghệ thuật khơi gợi chứ không phải là hàm xúc của châm ngôn, triết lý, thiên nhiên. Tìm cái đẹp trong những hình ảnh giản dị bình thường của thiên nhiên.  + Thấm đẫm tinh thần Thiền tông (Phật giáo) và tinh thần văn hóa phương Đông.  - Ngôn ngữ: thiên về gợi, đa nghĩa.  - Tứ thơ: khơi gợi xúc cảm, suy tư trong một khoảnh khắc hiện tại (quy tắc sử dụng "quý ngữ)  **2. Tác giả tiêu biểu**  **a. Mát – chư – ô Ba – sô**  - Ông sinh năm 1644 mất năm 1694 là nhà thơ nổi tiếng của văn học Nhật.  - Ông có công lớn trong việc hoàn thiện thơ hai - cư đưa nó trở thành thể thơ độc đáo nhất của Nhật Bản.  **b. Chi – ô**  - Chi - ô (1703 – 17750  - Là người đánh dấu sự hiện diện của tác giả nữ trong truyền thống thơ Hai – cư  - Trước bà, thơ Hai – cư của tác giả nữ thường bị coi thường và quên lãng.  - Bà đã trở thành một tiếng nói thơ ca độc đáo, được nhiều người yêu thích.  **c. Cô – ba – y – a – si Ít – sa**  - Cô – ba – y – a – si Ít – sa ( 1763 – 1828)  - Là nhà thơ kiêm tu sĩ Phật giáo.  - Ông còn là họa sĩ tài ba, nổi tiếng với những bức tranh có đề các bài thơ Hai cư do chính ông sáng tác.  **II. TÌM HIỂU CHI TIẾT**  **1. Bài 1**  Trên cành khô  cánh quạ đậu  chiều thu.  **1.1. Hình ảnh trung tâm và mối liên hệ với thời gian không gian.**  **- Hình ảnh trung tâm:** Con quạ  **- Không gian:** một buổi chiều mùa thu ảm đạm  => Hình ảnh cánh quả đậu trên cành khô trong bài thơ thứ nhất gợi lên một không gian chiều thu vắng lặng, đơn sơ, nhẹ nhàng.  ***=> Sự tương phản của thân hình đen muội nhỏ xíu của con quạ với bóng tối bao la vô định của buổi chiều hôm***  **1.2. Màu sắc, sự đối lập tương phản trong bức tranh chiều thu**  - Cành khô màu nâu xám, chim quạ chắc chắn là màu đen (hoặc xám).  *=> Đây là những gam màu chủ đạo của hội họa thủy mặc, một loại hình nghệ thuật mà chân chính là màu nước đen và giấy trắng.*  - Trên cành khô quạ đậu và chiều thu là hai phần hoàn toàn độc lập, tương phản với nhau. Một bên nhỏ hẹp, hiện hữu, một bên rộng lớn, mơ hồ.  - Mọi vật thể đối lập ấy đã tạo thành một chỉnh thể, một bức tranh hoàn chỉnh: trên cái nền hoang vắng mơ hồ của buổi chiều thu, nổi bật lên hình hài màu đen của một chú quạ đậu trên cành khô.  **TIỂU KẾT:** Hình ảnh trong bài thơ có lẽ phần nào thể hiện tâm cảm thi nhân mặc dù nó như chi được chớp lấy trong một ánh nhìn, một không gian, thời gian nhất định. Bài thơ mang nỗi buồn của buổi chiều tà, của lúc tàn thu, sự ngưng đọng, lặng im của cảnh vật... Giống như mọi bài thơ Hai-cư khác, cái tôi thi nhân không bao giờ xuất hiện trong thi phẩm nhưng từ những gì nhà thơ gửi gắm sẽ khởi sự cho trí tưởng tượng vô biên của độc giá.  Trong bài thơ này, **yếu tố mùa** củng thể hiện rất rõ ở từng câu chữ chứ không đợi đến quy ngữ cuối bài. Đây là bài thơ về mùa thu và thời điểm chính xác có lẽ là cuối thu, khi chim quạ đã xuất hiện, khi lá cây đã rụng hết chỉ còn lại cành khô.  **Bài 2:**  **A hoa triêu nhan**  **Dây gàu vương hoa bên giếng**  **Đành xin nước nhà bên.**  **2.1 Hình ảnh trung tâm và phát hiện của nhà thơ**  - Hình ảnh “hoa triêu nhan” và “dây gàu” gợi lên trong tâm trí người đọc hình ảnh những bông hoa triêu nhan tím quấn vào sợi dây gàu bên giếng.  - Hoa triêu nhan vốn là một loại dây leo, đã quấn vào dây gàu để nở.  - Nhà thơ nhìn thấy sự sống, nhìn thấy cái đẹp, nhìn thấy Phật tánh trong đóa triêu nhan nhỏ nhoi nhưng bền bỉ.  **2.2 Thông điệp của tác giả qua hình ảnh hoa triêu nhan và hành động “xin nước nhà bên”**  - Trước cái đẹp, trước sự sống, nhà thơ nâng niu, trân trọng, không nỡ làm tổn thương nên bà chọn giải pháp “xin nước nhà bên”, để sự sống và cái đẹp được hiện hữu.  - Đây chính là tinh thần ý tại ngôn ngoại, lại cũng chính là sự vô ngôn của Thiền và là tính nhân văn của Phật giáo.  - Cần phải có một nội tâm tĩnh lặng, một tính cách dịu dàng và hơn cả là một tình thương lớn, một tấm lòng trắc ẩn lớn mới có cách hành xử như vậy. Một đóa triêu nhan mỏng manh làm tỏa sáng một tình thương mênh mông và cảm động.  **Bài 3:**  **Chậm rì, chậm rì**  **Kìa con ốc nhỏ**  **Trèo núi Fu-jii**  **3.1 Hình tượng trung tâm và sự tương quan giữa hai hình ảnh.**  - “Con ốc” gợi lên hình ảnh một con vật nhỏ bé, chậm chạp, sống thụ động.  - “Núi Fu-ji” là một ngọn núi nổi tiếng ở Nhật Bản, nó gợi lên sự hùng vĩ, tráng lệ của tự nhiên.  - Câu thơ thứ hai "Kìa con ốc nhỏ" thể hiện sự xuất hiện nhỏ bé, bình dị của chú ốc nhỏ. Trạng thái chậm rì được đảo lên câu thơ đầu để nhấn mạnh trạng thái, đặc điểm của chú ốc bình dị nhỏ bé ấy.  - Câu thơ thứ ba "Trèo núi Fuji" chỉ có ba chữ tái hiện hình ảnh ngọn núi Phú Sĩ- biểu tượng Nhật Bản. Hình ảnh chú ốc sên nhỏ trèo chầm chậm lên núi Phú Sĩ - ngọn núi cao bậc nhất Nhật Bản.  **3.2 Thông điệp và tính triết lý được gợi ra trong ba câu thơ.**  - Bài thơ ngắn gọn súc tích, với hình thức độc đáo đã truyền tải thông điệp mang đầy tính nhân văn đến người đọc. Trên thực tế cuộc sống, mỗi người đều là chú ốc nhỏ bé bình dị nhưng đều ấp ủ một giấc mơ cháy bỏng của riêng cuộc đời mình. Sức mạnh nội tại của chính bản thân chúng ta là nguồn sức mạnh động lực để thúc đẩy đưa chúng ta lên đến đỉnh cao của cuộc đời mình. Nếu như chú ốc sên khát khao chinh phục núi Phú Sĩ thì mỗi người đều có một đỉnh cao của cuộc đời mình mà muốn chinh phục.  - Điều mà chúng ta cần làm đó chính là luôn luôn cố gắng không ngừng nghỉ trên hành trình, nỗ lực hết sức mình trên hành trình chinh phục lý tưởng sống của mình. Ta có thể đi chậm hơn so với người khác nhưng điều quan trọng đó chính là ta không ngừng lại mà luôn nỗ lực, kiên trì đến cùng với ước mơ của mình. Đó chính là điều làm nên ý nghĩa của cuộc sống của chúng ta.  **III. TỔNG KẾT**  **1. Nghệ thuật**  **-** Cả 3 bài thơ ngắn gọn, sử dụng hình ảnh ẩn dụ của con vật, cây cối để truyền tải thông điệp sâu sắc, triết lý, đầy nhân văn.  **2. Nội dung**  Mỗi bài thơ đều mang đến cho người đọc giá trị nhân văn sâu sắc, ý nghĩa về cuộc sống. |
| **3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu hoạt động:** Dựa vào nội dung tìm hiểu về ba bài thơ Hai cư để thực hành viết kết nối với đọc.  **b. Nội dung thực hiện**  HS thực hành viết kết nối đọc theo hướng dẫn của GV với nội dung: Hãy viết đoạn văn khoảng 150 chữ trình bày về điều em thấy thú vị nhất ở thể thơ Hai cư. | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên giao nhiệm vụ  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thực hiện bài làm viết kết nối đọc  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh trình bày phần bài làm của mình  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo | GV cho 2,3 học sinh đọc bài và cả lớp cùng chỉnh sửa, góp ý hoàn thiện bài viết |
| **4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ**  **a. Mục tiêu hoạt động:** Học sinh vận dụng liên hệ với thơ trữ tình để đánh **giá sự khác**  **nhau** giữa hai thể loại thơ.  **b. Nội dung thực hiện:** HS thực hiện một bài luận ngắn về một trong các chủ đề cho sẵn | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên giao nhiệm vụ  Học sinh thảo luận và thực hiện  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thực hiện bài luận ngắn  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh trình bày phần bài làm của mình  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo | ***Hướng dẫn***  - Nội dung của thơ trữ tình là biểu hiện tư tưởng, tình cảm làm sống dậy cái thế giới chủ thể của hiện thực khách quan, giúp ta đi sâu vào thế giới của những suy tư tâm trạng, nỗi niềm.  - Thơ Hai cư phản ánh tâm hồn người Nhật - tâm hồn ưa thích hòa nhập với thiên nhiên, vì vậy nội dung thường hướng đên một phong cảnh, một vài sự vật cụ thể, một tứ thơ, một cảm xúc, một suy tư… của người viết. |

**Phụ lục 1. Phiếu tìm hiểu về THỂ THƠ HAI – CƯ VÀ CÁC TÁC GIẢ**

***PHIẾU BÀI TẬP (Chuẩn bị ở nhà)***

***Câu 1: Em hãy ghi lại những hiểu biết của mình về thơ Hai – cư của Nhật Bản?***

1. Khái niệm

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………....

2. Đặc điểm

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………....

3. Ấn tượng sâu sắc nhất của em về thể thơ

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………........................................................................................................................................................................................................................................................................................

***Câu 2: Em đã biết được những gì về các nhà thơ dưới đây?***

1.Ba sô

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………...........

2. Chi –ô

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………................................................................................

3.Ít - sa

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………......................

***Phụ lục 2. Rubic chấm phần thảo luận nhóm***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TIÊU CHÍ** | **CẦN CỐ GẮNG**  **(0 – 4 điểm)** | **ĐÃ LÀM TỐT**  **(5 – 7 điểm)** | **RẤT XUẤT SẮC**  **(8 – 10 điểm)** |
| **Hình thức**  **(2 điểm)** | **0 điểm**  Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả  Sai lỗi chính tả | **1 điểm**  Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận  Không có lỗi chính tả | **2 điểm**  Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận  Không có lỗi chính tả  Có sự sáng tạo |
| **Nội dung**  **(6 điểm)** | **1 - 3 điểm**  Chưa trả lơi đúng câu hỏi trọng tâm  Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn  Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện | **4 – 5 điểm**  Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn  Trả lời đúng trọng tâm  Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao | **6 điểm**  Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn  Trả lời đúng trọng tâm  Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao  Có sự sáng tạo |
| **Hiệu quả nhóm**  **(2 điểm)** | **0 điểm**  Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ  Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động | **1 điểm**  Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhát  Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động | **2 điểm**  Hoạt động gắn kết  Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo  Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động |
| **Điểm** |  |  |  |
| **TỔNG** |  | | |

***Phụ lục 3. Rubic chấm bài viết viết KẾT NỐI VỚI ĐỌC***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TIÊU CHÍ** | **CẦN CỐ GẮNG**  **(0 – 4 điểm)** | **ĐÃ LÀM TỐT**  **(5 – 7 điểm)** | **RẤT XUẤT SẮC**  **(8 – 10 điểm)** |
| **Hình thức**  **(3 điểm)** | **1 điểm**  Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả  Sai lỗi chính tả  Sai kết cấu đoạn | **2 điểm**  Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận  Chuẩn kết câu đoạn  Không có lỗi chính tả | **3 điểm**  Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận Chuẩn kết câu đoạn  Không có lỗi chính tả  Có sự sáng tạo |
| **Nội dung**  **(7 điểm)** | **1 – 4 điểm**  Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện | **5 – 6 điểm**  Nội dung đúng, đủ và trọng tâm  Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao | **7 điểm**  Nội dung đúng, đủ và trọng tâm  Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo |
| **Điểm** |  |  |  |
| **TỔNG** |  | | |

**TIẾT ........**

**VĂN BẢN**

**THU HỨNG (CẢM XÚC MÙA THU)**

**-ĐỖ PHỦ-**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

- HS nhận diện, phân tích, đánh giá được giá trị thẩm mĩ của một số yếu tố trong thơ Đường luật viết bằng chữ Hán như từ ngữ, hình ảnh, vần, đối, nhân vật trữ tình,... trong thơ có.

- HS thấy được một số điểm gần gũi về nội dung giữa những tác phẩm thơ thuộc các nền văn hoá khác nhau, trong cùng thời kì trung đại, qua tìm hiểu tác phẩm Thu hứng (đại diện cho thơ Đường, Trung Quốc), chùm thơ hai-cư (Nhật Bản) và một số bài thơ trung đại Việt Nam (đã học).

- HS viết được một văn bản nghị luận phân tích, đánh giá vé một số phương diện chính của một bài thơ cổ phương Đông như chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật và tác dụng của chúng.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản Thu hứng.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản;

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của văn bản với các văn bản khác có cùng chủ đề.

- Học sinh vận dụng năng lực cảm thụ văn học để đọc hiểu văn bản theo thể loại

- Học sinh vận dụng năng lực ngôn ngữ để viết kết nối đọc

**3. Phẩm chất:**

**-** HS thấy được sức sống, sự tác động và khả năng khơi gợi sự rung động thẩm mĩ, giúp nuôi dưỡng đời sống tâm hồn của thơ Đường luật (luật thi).

- Học sinh thể hiện được tinh thần nhân đạo, đồng cảm với nỗi đau, số phận con người

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU**

**1. Học liệu**: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

**2. Thiết bị**: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ CHỨC THỰC HIỆN** | **SẢN PHẨM** |
| **1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THẾ**  **a. Mục tiêu hoạt động**: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học  **b. Nội dung thực hiện**:   * GV đặt vấn đề: Hãy nêu ít nhất 01 cảm nhận hoặc ấn tượng của em về mùa thu? Đối với những bạn chưa từng có kỉ niệm trải qua mùa thu, vậy mùa thu trong em được hình dung và cảm nhận như thế nào? * GV cũng có thể sử dụng các bức tranh kèm theo chú thích bằng các câu thơ viết về mùa thu của các tác giả khác nhau để học sinh cảm nhận về mùa thu và thấy được cảm hứng của thi nhân về mùa thu. * HS suy nghĩ và trình bày các trải nghiệm của cá nhân | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên đặt câu hỏi  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh theo dõi và trả lời câu hỏi  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh chia sẻ  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  Giáo viên chốt ý và dẫn dắt vào bài học. | ***GV dẫn dắt vào bài học***  ***Nhà thơ Đỗ Phủ với những cảm hứng về mùa thu, mùa thu của Đỗ Phủ không chỉ đẹp mà còn gợi buồn.*** |
| **2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**  **a. Mục tiêu hoạt động**:   * **Học sinh ghi nhớ** một số đặc điểm cơ bản của thơ Đường luật (bố cục, cách gieo vần, luật bằng – trắc, phép đối) * **Học sinh tìm hiểu và ghi nhớ** một số nét chính về tác giả và tác phẩm * **Học sinh mô tả** một số đặc điểm cơ bản của thơ Đường luật (bố cục, cách gieo vần, luật bằng – trắc, phép đối) được thể hiện trong bài thơ Thu hứng * **Học sinh đối chiếu** được hai bản dịch thơ với nguyên văn (thông qua bản dịch nghĩa) và **chỉ ra** chỗ hai bản dịch thơ chưa diễn đạt được sắc thái và ý nghĩa của nguyên văn   **b. Nội dung thực hiện:**   * Học sinh thực hành thảo luận nhóm đôi tìm hiểu về thơ Đường, thơ Đường luật và tác giả, tác phẩm qua phiếu bài tập | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên phát phiếu học tập  HS đọc thông tin, tìm hiểu và hoàn thành phiếu tìm hiểu chung về thể thơ và những nét chính về tác giả, tác phẩm  **Nhiệm vụ 1.** Học sinh tìm hiểu về thơ Đường luật và chỉ ra những đặc điểm đó trong bài Thu hứng  **Nhiệm vụ 2.** Học sinh tìm hiểu về tác giả, tác phẩm  **Nhiệm vụ 3.** Học sinh đối chiếu bản nguyên văn với hai bản dịch thơ và chỉ ra điểm khác biệt  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh tự lựa chọn nhiệm vụ, thảo luận và hoàn thành phiếu  **Thời gian**: 10 phút  **Chia sẻ**: 3 phút  **Phản biện và trao đổi**: 2 phút  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần tìm hiểu  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản  **Bước 1.** Giao nhiệm vụ học tập  Giáo viên chia cặp đôi để HS tìm hiểu về nội dung và nghệ thuật đặc sắc của bài thơ.  Học sinh lần lượt thực hiện thảo luận các nội dung sau:  **1.** Tìm hiểu bản nguyên tác và dịch thơ  **2.** GV yêu cầu HS đọc lại văn bản và thực hiện yêu cầu: Đối chiếu hai bản dịch thơ với nguyên văn. Từ đó, chỉ ra những chỗ hai bản dịch thơ có thể chưa diễn đạt hết sắc thái và ý nghĩa của nguyên văn.  - GV cho HS đại diện lên báo cáo kết quả.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2:** HS thực hiện nhiệm vụ học tập  - HS làm việc theo cặp đôi, đọc lại văn bản theo yêu cầu, suy nghĩ để hoàn thành nhiệm vụ.  **Bước 3:** Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận  - GV mời 2 – 3 HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nhận xét, bổ sung.  **Bước 4:** Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  - GV bổ sung: | **I. Thơ Đường, thơ Đường luật và bài thơ Thu hứng**  **a. Đặc trưng thơ Đường luật**  - **Khái niệm thơ Đường luật**: Thơ Đường luật hay còn gọi là thơ cận thể, là thể thơ cách luật ngũ ngôn hoặc thất ngôn được đặt ra từ thời Đường ở Trung Quốc. (***Từ điển thuật ngữ Văn học***)  **- Một số đặc trưng cơ bản**  + **Cảm hứng chủ đạo**   * Thơ u hoài về thế sự, nặng niềm ưu tư xã hội, đó là cảm hứng của nhà Nho. * Hướng về tư tưởng Ðạo giáo yêu thiên nhiên, thích xa lánh việc đời, tư tưởng Lão Trang * Hướng về Phật giáo, xa lánh đời nhưng vẫn còn gần nhân thế   **+ Cấu trúc bố cục**   * Đề - Thực – Luận – Kết: Bố cục giao nhiệm vụ cho mỗi phần * Khai – Thừa – Chuyển – Hợp: Chỉ ra mối quan hệ liên tục giữa bốn phần   **+ Luật**   * Là cách sắp đặt tiếng bằng tiếng trắc trong các câu của một bài thơ * Luật được bắt đầu bằng âm thanh của chữ thứ hai của câu thứ nhất. * Nếu chữ thứ hai là thanh bằng thì gọi bài thơ luật bằng. Chữ thứ hai là thanh trắc thì gọi là bài thơ luật trắc.   **+ Niêm**  Là sự liên lạc về âm luật của hai câu thơ trong bài thơ Đường luật. Hai câu thơ niêm với nhau khi nào chữ thứ hai của hai câu cùng theo một luật, hoặc là cùng bằng hoặ cùng trắc, bằng niêm bằng, trắc niêm trắc  **+ Đối**   * Đối là đặt hai câu đi song đôi cho ý với chữ trong hai câu ấy căn xứng với nhau (Đối tương phản hoặc tương hỗ) * Đối ý là tìm hai câu có ý tưởng cân nhau mà đặt thành hai câu song nhau * Đối chữ thì vừa phải đối thanh tức là B – T, T - B, vừa phải đối loại của chữ nghĩa, hai chữ tương tự loại (cùng danh, cùng động,…)   **+ Vần – Vận**   * Vần (Chữ Nho là vận) là những tiếng thanh âm hòa hiệp đặt vào hai hoặc nhiều câu văn để hưởng ứng nhau. * Thơ Ðường luật chỉ gieo một vần là vần bằng (bình), hiếm khi gieo vần trắc. Gieo vần vào chữ cuối của câu 1, 2, 4, 6 và 8. (ngoại lệ: riêng chữ cuối của câu 1 ngũ ngôn bát cú có thể không cần gieo vần cũng được).   **b. Bài thơ Thu hứng**  **Thể thơ:** Thất ngôn bát cú  **Luật B – T:**  **Ngọc lộ điêu thương phong thụ lâm,**  **T T B B B T B**  **Vu sơn, Vu giáp khí tiêu sâm.**  **B B B T T B B**  **Giang gian ba lãng kiêm thiên dũng,**  **B B B T B B T**  **Tái thượng phong vân tiếp địa âm.**  **T T B B T T B**  **Tùng cúc lưỡng khai tha nhật lệ,**  **B T T B B T T**  **Cô chu nhất hệ cố viên tâm.**  **B B T T T B B**  **Hàn y xứ xứ thôi đao xích,**  **B B T T B B T**  **Bạch Đế thành cao cấp mộ châm.**  **T T B B T T B**  **Vần:** Vần chân “âm” ở tiếng cuối cùng các câu 1 – 2 – 4 – 6 – 8  **Đối:**  ***Câu 1 – 2***: “Phong thụ lâm” – “Khí tiêu sâm”  ***Câu 3 – 4*:**  “Giang gian ba lãng” – “Tái thượng phong vân”  “Kiêm thiên dung” – “Tiếp địa âm”  ***Câu 5 – 6:***  “Tùng cúc lưỡng khai” – “Cô chu nhất hệ”  “Tha nhật lệ” – “Cố viên tâm”  ***Câu 7 – 8***: “Hàn y xứ xứ” – “Bạch Đế thành cao”  **Cảm hứng chủ đạo**: Thơ u hoài về thế sự, nặng niềm ưu tư xã hội, đó là cảm hứng của nhà Nho.  **II. Những nét chính về tác giả, tác phẩm**  **a. Tác giả**  - Ðỗ Phủ, tự là Tử Mỹ, sau còn gọi là Thiếu Lăng, quê tỉnh Hà Nam, ông nội là một nhà thơ có tiếng thời Sơ Ðường (Ðỗ Thẩm Ngôn). Bố ông từng giữ chức Tư Mã. Hồ Chủ tịch đã từng gọi ông là “***một người làm thơ nổi tiếng đời nhà Ðường***” (Di chúc)  - Phần lớn là những bài thơ trực tiếp lên án giai cấp thống trị và phản ánh sâu sắc đời sống cực khổ của nhân dân, đặc biệt là những tai hoạ của chiến tranh, cảnh sống bất công giữa hai giai cấp đối lập  - Nghệ thuật thơ Ðỗ Phủ là đỉnh cao của phương pháp hiện thực. Lòng yêu nước yêu dân và tinh thần phản kháng ngun ngút trong thơ. Ông được gọi là “thánh thơ” (bậc thánh trong thơ), là “***thi sử***” (viết sử bằng thơ). Ngay đời nhà Ðường, thơ ông đã được coi là tấm gương sáng, là một ngọn cờ và còn ảnh hưởng mãi đến mai sau. Nguyễn Du sùng bái Đỗ Phủ là “***thiên cổ văn chương, thiên cổ sư***”.  **b. Tác phẩm**  - **Hoàn cảnh sáng tác:** Bài thơ được viết trong thời gian Đỗ Phủ cùng gia đình đi chạy nạn ở Quỳ Châu (Nay thuộc Tứ Xuyên) (766). Là bài thứ nhất nằm trong chùm thơ Thu hứng (8 bài).  - **Thể thơ**: Thất ngôn bát cú Đường luật.  - **Bố cục**: 2 phần  + 4 câu đầu (tiền giải): tả cảnh mùa thu ở Quỳ Châu  + 4 câu sau (hậu giải): khung cảnh sinh hoạt của người dân và nỗi lòng của nhà thơ  **III. So sánh bản nguyên văn với hai bản dịch**   |  |  | | --- | --- | | **Nguyên văn** | **Bản dịch thơ 1** | | - Câu thơ đầu, trong bản dịch thơ thì hình ảnh này lại nhẹ nhàng hơn. | - Câu thơ đầu, từ “điêu thương”: đây là một tính từ đã được động từ hóa nhằm gợi sự tàn phá khắc nghiệt của sương móc đối với rừng phong. | | - Câu 2: Địa danh Vu Sơn, Vu Giáp | - Câu 2: Bản dịch không dịch hai địa danh Vu sơn và Vu giáp. Từ “tiêu sâm” trong nguyên văn diễn tả sự tiêu điều, tê tái, thảm đạm của khí thu, cảnh thu; cụm từ “khí thu lòa” trong bản dịch chưa thể hiện hết ý này. | |  | - Câu 3: từ “thẳm” làm cho âm hưởng thơ bị trầm xuống so với nguyên tác. | |  | - Câu 5: bản dịch bỏ mất chữ “lưỡng khai” chỉ số lần, làm mất đi dụng ý mà nhà thơ muốn thể hiện trong nguyên tác. | |  | **-** Câu 6: bản dịch bổ mất chữ “cô” chỉ sự lẻ loi, đơn độc, làm mất đi dụng ý mà nhà thơ muốn thể hiện trong nguyên tác**.** |  |  |  | | --- | --- | | **Nguyên tác** | **Bản dịch thơ 2** | | - Câu 2: Từ “tiêu sâm” trong nguyên văn diễn tả sự tiêu điều, tê tái, thảm đạm của khí thu, cảnh thu; cụm từ “khí thu dày” trong bản dịch chưa thể hiện hết ý này. | - Câu thơ đầu của bản dịch 2 cũng giống bản dịch 1 đều chưa làm rõ ý sự tác động của sương giá, đã tàn phá dữ dội rừng phong và rừng cây phong là đối tượng chịu tác động. |   \* Về so sánh bản dịch thơ với nguyên âm:  + Câu 1: Bản dịch thơ thêm tính từ “lác đác” không có trong nguyên văn. “Lác đác” là nguyên văn nhấn mạnh sự tàn phá dịch từ chỉ sự thưa thớt, trong khi dễ hiểu thàn dữ dội của sương móc trắng đối với rừng cây phong. Rừng cây phong trong nguyên văn là "đối tượng" chịu tác động, trong câu h trạng ngữ của câu: hạt móc sa lác đác ở rừng cây phong.  + Câu 2: Bản dịch thơ dịch thoát ý, lược mất địa dan vốn gần với hoàn cảnh luân sàm” trong h cụ thể (núi Vu, kẽm Vu), nguyê lạc cụ thể cùa nhà thơ. Cụm từ “khí thu loà” có sắc thái nhẹ (khí thu nhạt nhoà), còn từ “tiêu n văn diễn đạt sự tiêu điều, hiu hắt, thảm đạm của khí thu, cảnh thu.  + Câu 3-4: Bản dịch thơ đảo cấu trúc cùa mỗi câu, không chỉ rõ sự vận núi cao giữa dòng sông sóng tung lên trùm cả bầu trời, từ trên xuống làm mặt đất âm u. trụ chao đảo, dữ dội. Các từ “sóng rợn” và Ý nguyên mây sà động theo hai chiéu đối lập (câu 3 - từ thấp lên cao và câu 4 - từ cao xuống thấp), từ văn diễn đạt một vũ “mây đùn” 'trong bàn dịch thơ chưa diễn tả hết ý này.  + Câu 5: Bản dịch thơ dùng từ “lạnh lùng” áo rét chu không diễn đạt rõ ý của từ cắt may ẩn“hàn y” (áo rét) trong nguyên văn., biểu thị sự đối lập với thân phận cô Nguyên văn lại có từ “xứ xứ”, diễn đạt hoạt động gấp gáp bị cho mùa lạnh diễn ra ở mọi nơi quạnh của nhà thơ giữa mùa thu nơi đất khách. |
| **Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu bốn câu thơ đầu**  Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập  - GV yêu cầu HS đọc 4 câu thơ đầu và trả lời câu hỏi:  *+ Hai câu đề đã gợi lên bức tranh mùa thu qua những hình ảnh, chi tiết nào? Hãy giải thích các hình ảnh để làm rõ. Từ không khí ấy gợi lên cảm nhận về bức tranh mùa thu của thi sĩ ra sao?*  *+ Không gian đã có sự thay đổi như thế nào ở hai câu thơ tiếp theo?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2:** HS thực hiện nhiệm vụ học tập  Sử dụng kĩ thật mảnh ghép, chia lớp thành 4 nhóm và thực hiện thảo luận.  - HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi.  **Bước 3:** Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận  - GV mời đại diện 4 nhóm HS trả lời, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung.  **Bước 4:** Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức Ghi lên bảng.  - GV phân tích thêm:  **Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu bốn câu thơ sau**  **Bước 1:** GV chuyển giao nhiệm vụ học tập  - GV yêu cầu HS đọc tiếp văn bản bốn câu thơ cuối:  + Gạch chân và giải nghĩa những từ ngữ trong bốn câu thơ cuối.  + Những hình ảnh nào xuất hiện trong câu thơ 5-6, người đọc có thể nhận biết được điều gì về nhân vật trữ tình?  + Ở hai câu thơ cuối có những hoạt động nào của con người được diễn ra? Điều đó được thể hiện qua các từ ngữ, hình ảnh, âm thanh nào?  + Việc mô tả khung cảnh sinh hoạt của con người ở hai câu thơ kết có ý nghĩa như thế nào trong việc thể hiện cảm xúc của nhân vật trữ tình?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thảo luận và hoàn thiện sản phẩm thảo luận  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần tìm hiểu  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản | **II. Đọc hiểu văn bản**  **1. Không khí mùa thu trong 4 câu thơ đầu**    ***Ngọc lộ điêu thương phong thụ lâm,***  ***Vu sơn, Vu giáp khí tiêu sâm.***  ***Giang gian ba lãng kiêm thiên dũng,***  ***Tái thượng phong vân tiếp địa âm.***  (*Lác đác rừng phong hạt móc sa,*  *Ngàn non hiu hắt khí thu lòa.*  *Lưng trời sóng rợn lòng sông thẳm,*  *Mặt đất mây đùn cửa ải xa.)*  - **Hình ảnh**:  + *Ngọc lộ*: Sương long lanh như ngọc  + *Điêu thương*: Héo tàn, tiêu điều, tan tác  + *Phong thụ lâm*: Cây phong trong rừng, cây thân gỗ hoa màu vàng sẫm, nở mùa xuân, mùa thu chuyển lá đỏ  🡺**Li biệt, tan thương, điêu tàn**  - **Không gian**:  + Vu Sơn, Vu Giáp: Dãy núi gồm 12 đỉnh, trong đó có đỉnh cao hơn 3000m. Dòng Trường Giang chảy qua Vu Sơn tạo thành 3 vách nước (Chỗ dòng chảy hẹp, sâu, vách đá dựng đứng) gồm Củ Đường Giáp, Vu Giáp và Tây Lăng Giáp. Vu Giáp nổi tiếng hơn cả  + "*Suốt cả vùng Tam giáp: Vu Giáp, Từ Đường giáp, Tây Lăng giáp dài bảy trăm dặm, núi liên tiếp đôi bờ tuyệt đối không có một chỗ trống. Vách đá điệp trùng che khuất cả bầu trời, chẳng bao giờ thấy ánh nắng mặt trời, cũng như ánh sáng trắng*"  🡺**Rộng lớn, đa chiều: Chiều cao, chiều rộng, chiều sâu**  - **Không khí**: Khí tiêu sâm: u ám, từ ghép hợp nghĩa (Tiêu: hoang vắng, quạnh quẽ; sâm: rừng sâu)  🡺**Tiêu điều, li tán**  **Nhận xét: Sự tiêu điều, hiu hắt, bi thương lan tỏa khắp không gian trong một buổi chiều thu ở miền rừng núi.**  - **Điểm nhìn**:  + Xoay ngược theo chiều dọc từ lòng sông lên trên trời cao (gần 🡪 xa)  + Hình ảnh đối lập:   |  |  | | --- | --- | | Giang gian (giữa lòng sông) ba lãng (sóng lớn, sóng nhỏ) kiêm thiên (trời) dung (vọt mạnh lên)  ***Sóng vọt lên tận lưng trời***  (Thấp) (Cao) | Tái thượng (ở biên cương) phong vân(mây) tiếp (sà xuống) địa (mặt đất) âm (che lấp, bao phủ)  ***Mây sa sầm xuống đến mặt đất***  (Cao) (Thấp) |   **Nhận xét: Cảnh thu chuyển động dữ dội (động từ mạnh) tạo nên bức tranh thu vừa hùng vĩ vừa bi tráng. Sự chuyển động và chao đảo của cảnh vật cũng là sự chao đảo của xã hội loạn lạc lúc bấy giờ. Lời thơ thể hiện nổi lòng trước thời thế và tình cảm nhớ thương tuyệt vọng của nhà thơ**  **Tiểu kết: Cảnh sắc thu mang dấu ấn của vùng Quỳ Châu (vừa âm u, vừa hùng vĩ). Cảnh sắc ấy mang phong cách thơ Đỗ Phủ: trầm uất, bi tráng. Cảnh thu ấy chở nặng nỗi niềm lo lắng, bất an của nhà thơ về thế sự cuộc đời.**  **2. Tâm trạng và nỗi niềm của nhà thơ trong 4 câu thơ sau**  ***Tùng cúc lưỡng khai tha nhật lệ***  ***Cô chu nhất hệ cố viên tâm***  (*Khóm cúc tuôn thêm dòng lệ cũ*  *Con thuyền buộc chặt mối tình nhà*)  - **Tùng cúc – Hoa cúc; Lưỡng khai – hai lần nở; Tha nhật lệ - nước mắt ngày khác**: Đỗ Phủ từ Thành Đô chạy loạn đến Vân An, bị bệnh nên ở lại Vân An đến mùa xuân năm sau. Nhìn khóm cúc nở hoa, cảm nhận thời gian trôi nhanh, thấm thía nỗi cay đắng của quãng đời nay đây mai đó. Hoa – cũng có thể là cuộc sống tươi đẹp trong quá khứ.  - **Cô chu – con thuyền cô độc; nhất hệ - buộc chặt; cố viên tâm – trái tim vườn xưa**: Cuộc đời trôi nổi lưu lạc, chỉ có con thuyền là phương tiện duy nhất để tác giả gửi niềm thương, nỗi nhớ về quê nhà  - “Cúc” là hoa thu; “Con thuyền” là hình ảnh thường xuất hiện trong thơ Đỗ Phủ cuối đời (Mùa thu của cuộc đời), nó “chở” tâm tình mong được về quê của nhà thơ. Hai nhãn tự trong bài là “khai” (nở) và “hệ” (buộc): khai tha nhật lệ: mở ra … nước mắt, hệ cố viên tâm: buộc vào…trái tim. Cũng cần lưu ý thêm phó từ: lưỡng – nhất, lưỡng phiếm chỉ số nhiều, nở ra rồi lại nở, nở ra nước mắt. Lệ của hoa hay lệ của con người đang khóc vì nỗi đau đớn nhớ nhà. Nhất là một mà cũng là hàm ý duy nhất, mãi mãi, chỉ một.  + **Phép đối:** lưỡng (khai) của cúc và nhất (hệ) của tâm và chữ “hệ” (buộc chặt) càng khẳng định tình cảm sâu nặng đối với quê hương không bao giờ thay đổi  Cố viên tâm:Vườn cũ ở Lạc Dương 🡺 Nỗi nhớ quê  Tràng An (kinh đô nhà Đường) 🡺 Lòng yêu nước thầm kín  - Cả câu là ẩn dụ: Ta cũng như con thuyền lẻ loi, cô độc một mình nơi đất khách chưa được về chốn cũ, vườn xưa. Việc đồng nhất giữa cảnh và người nhằm nói lên nỗi niềm đau đáu của kẻ tha hương, nặng tình nặng nghĩa với quê nhà  ***Hàn y xứ xứ thôi đao xích***  ***Bạch Đế thành cao cấp mộ châm***  (*Lạnh lùng giục kẻ tay dao thước*  *Thành Bạch, chày vang bóng ác tà*)  - Sáu câu thơ đầu không có một âm thanh nào, bỗng rộn lên tiếng thước đo vải, tiếng dao cắt vải, tiếng chày đập vải may áo rét. Đây cũng là âm thanh đặc thù của mùa thu Trung Quốc xưa – may áo chống rét cho người đang chinh chiến ở nơi biên ải xa xôi. Loạn Lộc An Sơn đã dẹp nhưng cuộc sống chưa được yên bình, bao người vẫn đang ở cửa ải xa. Trời đã tối, chỉ còn nghe tiếng chày, tiếng dao kéo cắt vải hòa cùng nỗi nhớ người thân….  - Hai câu kết cho ta thấy được góc nhìn từ ngoại cảnh đến tâm cảnh  + Ngoại cảnh: Hàn y (áo rét) xứ xứ (mọi nơi) thôi đao xích (dao thước 🡪 để may áo). Bạch Đế thành (thành Bạch Đế) cao cấp mộ châm (phiến đá giặt quần áo, tiếng đập chày giặt áo)  + Tâm cảnh: Hai câu luận: Cô đơn lẻ bóng. Hai câu kết: Vui tươi, ấm áp, hàn là lạnh nhưng lại cảm nhận thấy sự sum vầy, ấm áp. Tuôn rơi nước mắt, ước vọng được trở về quê, nhớ quê da diết |
| **3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu hoạt động:** Dựa vào nội dung tìm hiểu tác phẩm viết kết nối đọc về yếu tố làm nên sức hấp dẫn của thơ Đường luật và thơ Hai - cư  **b. Nội dung thực hiện**  HS thực hành viết kết nối đọc theo hướng dẫn của GV | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên giao nhiệm vụ  - GV yêu cầu HS:  1. Thu hứng được viết trong một hoàn cảnh đặc biệt của cuộc đời Đỗ Phủ. Phải chăng tác phẩm chỉ thể hiện nỗi niềm thân phận cá nhân của nhà thơ?  2. Có ý kiến cho rằng câu thơ nào trong bài thơ cũng thể hiện cảm xúc về mùa thu, nỗi niềm tâm sự của tác giả trong mùa thu. Bạn suy nghĩ gì về ý kiến này?  - GV hướng dẫn HS:  + Nhan đề bài thơ này có thể hiện được cảm hứng chung của cả tác phẩm hay không?  + Cảnh thu và tình thu trong bài thơ có mối liên hệ với nhau như thế nào?  + Những từ ngữ, hình ảnh nào thể hiện đề tài, chủ đề mùa thu và giúp biểu đạt cảm xúc, tâm sự riêng của tác giả trong mùa thu?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thực hiện bài làm viết kết nối đọc  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh trình bày phần bài làm của mình  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo |  |
| **4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ**  **a. Mục tiêu hoạt động:** Học sinh thể hiện được tinh thần nhân đạo, đồng cảm với nỗi đau, số phận con người  **b. Nội dung thực hiện:**  Trước thời thế loạn lạc, Đỗ Phủ cảm thấy cô đơn, bế tắc và nhớ thương quê hương da diết. Nhớ quê hương mà chẳng thể nào trở về. Qua đó ta cũng cảm nhận được tấm lòng yêu quê, tâm sự yêu nước trước thời cuộc của tác giả. Liên hệ bài thơ với cuộc sống, đối với em quê hương có vị trí như thế nào? Ngày nay trước những biến đổi không ngừng, những tác động từ chiến tranh, biến đổi khí hậu,… cũng sẽ phần nào ảnh hưởng tới quê hương. Em sẽ làm gì để cuộc sống ở quê hương ngày một tốt đẹp? | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên giao nhiệm vụ  Học sinh thảo luận và thực hiện  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh suy ngẫm và thực hiện  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh trình bày phần bài làm của mình  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo | **Gợi ý phần trả lời của HS và GV**  - Yêu thiên nhiên, bảo vệ môi trường sống  - Có ý thức đoàn kết  - Tham gia các hoạt động thiện nguyện, lá lành đùm lá rách,…  - Phản đối chiến tranh phi nghĩa, ủng hộ các tổ chức và cá nhân chiến đấu chống lại cái ác,…  - Học tập và góp sức xây dựng đất nước  …. |

***Phụ lục 1. Rubic đánh giá thảo luận nhóm***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TIÊU CHÍ** | **CẦN CỐ GẮNG**  **(0 – 4 điểm)** | **ĐÃ LÀM TỐT**  **(5 – 7 điểm)** | **RẤT XUẤT SẮC**  **(8 – 10 điểm)** |
| **Hình thức**  **(2 điểm)** | **0 điểm**  Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả  Sai lỗi chính tả | **1 điểm**  Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận  Không có lỗi chính tả | **2 điểm**  Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận  Không có lỗi chính tả  Có sự sáng tạo |
| **Nội dung**  **(6 điểm)** | **1 - 3 điểm**  Chưa trả lơi đúng câu hỏi trọng tâm  Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn  Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện | **4 – 5 điểm**  Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn  Trả lời đúng trọng tâm  Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao | **6 điểm**  Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn  Trả lời đúng trọng tâm  Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao  Có sự sáng tạo |
| **Hiệu quả nhóm**  **(2 điểm)** | **0 điểm**  Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ  Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động | **1 điểm**  Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhát  Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động | **2 điểm**  Hoạt động gắn kết  Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo  Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động |
| **Điểm** |  |  |  |
| **TỔNG** |  | | |

***Phụ lục 2. Rubic chấm bài viết kết nối đọc***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TIÊU CHÍ** | **CẦN CỐ GẮNG**  **(0 – 4 điểm)** | **ĐÃ LÀM TỐT**  **(5 – 7 điểm)** | **RẤT XUẤT SẮC**  **(8 – 10 điểm)** |
| **Hình thức**  **(3 điểm)** | **1 điểm**  Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả  Sai lỗi chính tả  Sai kết cấu đoạn | **2 điểm**  Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận  Chuẩn kết câu đoạn  Không có lỗi chính tả | **3 điểm**  Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận Chuẩn kết câu đoạn  Không có lỗi chính tả  Có sự sáng tạo |
| **Nội dung**  **(7 điểm)** | **1 – 4 điểm**  Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện | **5 – 6 điểm**  Nội dung đúng, đủ và trọng tâm  Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao | **7 điểm**  Nội dung đúng, đủ và trọng tâm  Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo |
| **Điểm** |  |  |  |
| **TỔNG** |  | | |